TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn;

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thuý O**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/06/2017. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do:

- Bất đồng về kinh tế: Hàng tháng anh T đưa tiền cho chị để lo cho gia đình, nhưng khoảng 02 năm nay thì anh T không đưa đủ, khi chị hỏi thì anh T viện đủ lý do, anh chị có nói chuyện nhưng đến nay vẫn không giải quyết được.

- Mâu thuẫn về cách nuôi dạy con: Anh T quá nuông chiều con nên không chỉ dạy con những vấn đề cơ bản trong cuộc sống (như nói chuyện lễ phép với ông bà, cha mẹ…), do chị bận việc buổi tối nên có nhờ anh T dạy con nhưng anh T không đồng ý và còn thường xuyên chở con đi nhậu với bạn của anh T.

- Anh T thường xuyên nhắn tin qua lại với nhiều người phụ nữ khác, chị không đồng ý, có nhắc nhở nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Chị và anh T đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/10/2017. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc nên chị xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị và anh T.

Theo Bản khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị O về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị O có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị O trình bày. Tuy nhiên, anh có ý kiến như sau:

- Về kinh tế gia đình: Anh đi làm, tiền lương không ổn định nên khoảng 02 năm nay anh đưa ít tiền cho chị O để lo cho gia đình. Anh chạy xe lôi cho bên nhà của chị O nên chị O hiểu rất rõ vấn đề tiền lương của anh nhưng chị O không chia sẻ với anh. Anh cũng tìm cách nói chuyện với chị O nhưng chị Oanh nhiều lần tránh né, không muốn nói chuyện.

- Về cách nuôi dạy con: Lâu lâu buổi tối ở nhà buồn, không ai giữ con nên anh mới dẫn con đi nhậu với bạn của anh.

- Anh có nhắn tin với nhiều người phụ nữ khác nhưng chỉ là bạn bè hỏi thăm qua lại.

Chị O không đồng ý với những điều trên thì anh xin khắc phục để hàn gắn gia đình. Anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị O có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/10/2017. Nếu có ly hôn, anh đồng ý chị O trực tiếp nuôi con chung, anh đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị O không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị O không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt nhiều lần không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị O và anh T sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con, về mối quan hệ với người khác giới. Chị O xác định không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn. Anh T trình bày tại phiên hòa giải ngày 08/11/2023 là anh không đồng ý ly hôn, nhưng sau đó Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do. Như vậy, hôn nhân của chị O và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O, chị O được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị O và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/10/2017. Xét thấy, tại phiên hòa giải ngày 08/11/2023, chị O và anh T thống nhất nếu có ly hôn thì con chung sẽ do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để giải quyết nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O, giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị O và anh T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị O và anh T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Thúy O khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Văn T, anh T cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị O vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị O và bị đơn anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị O và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/06/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo chị O và anh T trình bày thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, về cách nuôi dạy con, về mối quan hệ với người khác giới. Chị O và anh T đều thừa nhận anh chị không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau, đến nay vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn trên và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị O xác định không còn tình cảm với anh T nên kiên quyết ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 08/11/2023, anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con và hứa sẽ khắc phục để hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa chị O và anh T đã có phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời chị O và anh T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng chị O vẫn kiên quyết xin ly hôn; anh T trình bày tại phiên hòa giải ngày ngày 08/11/2023 là anh không đồng ý ly hôn, hứa khắc phục để hàn gắn gia đình, nhưng sau đó Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do, đều này chứng tỏ anh đã bỏ mặt mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị O. Mặt khác, chị O và anh T đã sống ly thân trong một thời gian dài và đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị O và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O, chị O được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung:

Chị O và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/10/2017. Sau khi ly hôn, chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên hòa giải ngày 08/11/2023, chị O và anh T thống nhất nếu có ly hôn thì con chung sẽ do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến để giải quyết nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, thỏa thuận trên của chị O và anh T là tự nguyện, cháu T1 vẫn còn nhỏ nên việc giao cháu T1 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do

đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O. Anh T tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị O và anh T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị O.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do chị O phải nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do anh T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy O:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy O và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/10/2017. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thúy O là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy O và anh Nguyễn Văn T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do chị Nguyễn Thị Thúy O phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001555 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do anh Nguyễn Văn T phải nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến